

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2012

Đợt I - Ngày thi 14, 15 tháng 9 năm 2012

Ngành Kinh tế Công nghiệp - Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp Công nghiệp - Hệ Chính quy

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	ĐT	Khu vực	Đ. Cơ sở	Đ.Ch.ngành	Đ.ƯT	Tổng điểm
1	LT12-001	Phạm Thị Lan Anh	07/11/87	Nữ	Phường Quang Trung TP TN	0	2	5.00	5.50	0.5	11.00
2	LT12-002	Trần Phương Anh	27/12/91	Nữ	P.Phan Đình Phùng-TP Thái Nguyên	0	2	4.50	7.00	0.5	12.00
3	LT12-003	Nguyễn Chí Chính	24/02/91	Nam	Đông Sơn-Thanh Hóa	0	KV2-NT	7.00	6.00	1	14.00
4	LT12-004	Vũ Đức Tài Có	13/07/91	Nam	Phường Cam Giá - TP Thái Nguyên	0	1	6.25	8.75	1.5	16.50
5	LT12-006	Lương Thị Cúc	25/11/91	Nữ	Trục Ninh-Nam Định	0	KV2-NT	6.25	9.00	1	16.50
6	LT12-008	Nguyễn Thành Đạt	20/12/91	Nam	Xã Quyết Thắng-TP Thái Nguyên	0	2	5.50	7.00	0.5	13.00
7	LT12-009	Nguyễn Tuấn Đạt	20/11/91	Nam	Xuân Trường-Nam Định	0	KV2-NT	4.00	7.50	1	12.50
8	LT12-010	Hoàng Thị Diễm	25/06/81	Nữ	Chợ Đồn-Bắc Kan	1	1	6.50	6.75	3.5	17.00
9	LT12-011	Hà Phạm Hồng Diệu	04/11/91	Nam	Tổ 3 Nguyễn Bình-Cao Bằng	0	1	5.00	5.00	1.5	11.50
10	LT12-012	Cao Văn Đức	01/01/65	Nam	H.Sóc Sơn - Hà Nội	0	2	7.00	9.75	0.5	17.50
11	LT12-013	Dương Đức Dục	26/10/91	Nam	Võ Nhai-Thái Nguyên	1	1	6.50	9.50	3.5	19.50
12	LT12-014	Hà Việt Dũng	23/09/90	Nam	Võ Nhai - Thái Nguyên	1	1	5.75	5.50	3.5	15.00
13	LT12-015	Nguyễn Đức Dũng	04/09/89	Nam	Thịnh Đức- TP Thái Nguyên	0	1	6.00	7.50	1.5	15.00
14	LT12-016	Nguyễn Thị Dung	19/11/91	Nữ	Hiệp Hòa-Bắc Giang	0	KV2-NT	5.25	3.50	1	10.00
15	LT12-017	Trịnh Tiến Dũng	12/01/91	Nam	P.Trung Vương-TP Thái Nguyên	0	2	5.00	6.00	0.5	11.50
16	LT12-018	Trần Đức Duy	11/01/91	Nam	P.Tân Thành-TP Thái Nguyên	0	2	5.75	5.25	0.5	11.50
17	LT12-019	Hoàng Thị Mỹ Duyên	01/07/91	Nữ	Hưng Đạo-Cao Bằng	1	1	5.50	7.75	3.5	17.00
18	LT12-020	Lưu Thanh Duyên	10/01/90	Nữ	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	4.50	6.50	1.5	12.50
19	LT12-022	Bàn Thị Thu Hà	20/07/91	Nữ	Na Rì-Bắc Kạn	1	1	4.50	6.50	3.5	14.50
20	LT12-023	Lê Hải Hà	27/02/91	Nam	Sông Công-Thái Nguyên	0	1	4.50	6.25	1.5	12.50
21	LT12-024	Hà Văn Hải	20/01/91	Nam	Vĩnh Lộc-Thanh Hóa	0	1	4.25	8.25	1.5	14.00
22	LT12-025	Nguyễn Duy Hải	11/08/85	Nam	Mai Sơn - Sơn La	0	1	5.25	8.75	1.5	15.50
23	LT12-026	Trần Duy Hải	01/12/91	Nam	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	0	1	7.00	6.75	1.5	15.50
24	LT12-027	Đinh Thị Hằng	21/07/91	Nữ	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	6.75	6.25	1	14.00
25	LT12-028	Đoàn Thanh Hằng	04/05/91	Nam	P.Tịch Lương-TP Thái Nguyên	0	2	6.50	6.25	0.5	13.50
26	LT12-031	Trần Đình Hệ	20/09/91	Nam	Hải Hậu - Nam Định	0	2	4.75	7.50	0.5	13.00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	ĐT	Khu vực	Đ. Cơ sở	Đ.Ch.ngành	Đ.U.T	Tổng điểm
27	LT12-032	Hoàng Thúy Hiền	09/07/92	Nam	Lộc Bình-Lạng Sơn	1	1	4.50	5.25	3.5	13.50
28	LT12-033	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	14/12/91	Nữ	Quan Triều TP Thái Nguyên	0	2	4.25	5.50	0.5	10.50
29	LT12-034	Phạm Thu Hiền	11/02/92	Nữ	P.Phùng Chí Kiên-Bắc Kạn	0	1	7.75	6.50	1.5	16.00
30	LT12-035	Nguyễn Hồng Hiệp	20/09/85	Nam	Phường Hoàng Văn Thụ TP TN	0	2	8.00	8.00	0.5	16.50
31	LT12-036	Đặng Thị Hiếu	05/05/80	Nữ	Chợ Đồn-Bắc Kạn	1	1	5.75	7.00	3.5	16.50
32	LT12-037	Trần Ngọc Hiếu	08/10/91	Nam	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	6.00	7.75	1.5	15.50
33	LT12-038	Triệu Trung Hiếu	14/12/88	Nam	Võ Nai-Thái Nguyên	1	1	5.75	8.50	3.5	18.00
34	LT12-039	Dương Tú Hoa	19/12/91	Nữ	Sông Công - Thái Nguyên	0	1	6.00	8.00	1.5	15.50
35	LT12-040	Nguyễn Đình Hòa	16/05/89	Nam	Đồng Anh-Hà Nội	0	2	5.75	6.50	0.5	13.00
36	LT12-041	Trương Thị Hòa	17/01/90	Nữ	Đại Từ - Thái Nguyên	0	1	5.25	6.00	1.5	13.00
37	LT12-042	Nguyễn Thị Thu Hoài	07/02/91	Nữ	Minh Khai TX Bắc Kạn	0	1	5.75	7.00	1.5	14.50
38	LT12-043	Ngô Thị Thanh Hoàn	23/06/91	Nữ	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	5.75	8.75	1.5	16.00
39	LT12-044	Thân Thị Hoàn	05/01/86	Nữ	Việt Yên - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.50	9.50	1	16.00
40	LT12-046	Nguyễn Thị Hồng	29/03/90	Nữ	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	7.00	9.50	1.5	18.00
41	LT12-047	Nguyễn Thu Hồng	31/01/88	Nữ	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	4.00	7.00	1.5	12.50
42	LT12-048	Đỗ Thị Huê	25/11/89	Nữ	Kim Sơn-Ninh Bình	0	KV2-NT	5.50	7.25	1	14.00
43	LT12-049	Lê Việt Hưng	16/12/91	Nam	Sông Công-Thái Nguyên	0	2	4.50	7.00	0.5	12.00
44	LT12-050	Phạm Duy Hưng	31/07/91	Nam	P.Hoàng Văn Thụ-TP Thái Nguyên	0	2	4.50	5.75	0.5	11.00
45	LT12-053	Lưu Thị Hương	29/05/91	Nữ	Sông Công - Thái Nguyên	0	2	6.00	5.50	0.5	12.00
46	LT12-054	Vũ Đình Hưởng	20/03/91	Nam	Đức Xuân -Thị xã Bắc Kạn	0	1	5.00	7.75	1.5	14.50
47	LT12-055	Nguyễn Quang Huy	21/03/91	Nam	P.Gia Sàng-TP Thái Nguyên	0	2	4.50	8.25	0.5	13.50
48	LT12-058	Nguyễn Thị Huyền	15/12/90	Nữ	Sơn Dương - Tuyên Quang	1	1	5.50	7.50	3.5	16.50
49	LT12-059	Nguyễn T. Thanh Huyền	05/06/91	Nữ	P.Túc Duyên-TP Thái Nguyên	0	2	5.00	8.00	0.5	13.50
50	LT12-061	Phạm Thị Thanh Huyền	30/09/91	Nữ	P.Tân Lập-TP Thái Nguyên	0	2	5.50	7.00	0.5	13.00
51	LT12-062	Nông Thị Huynh	05/05/90	Nữ	Chi Lăng-Lạng Sơn	1	1	5.25	7.75	3.5	16.50
52	LT12-063	Hoàng Văn Khánh	10/11/90	Nam	Văn Quan - Lạng Sơn	1	1	4.75	5.00	3.5	13.50
53	LT12-064	Nông Quốc Khánh	02/09/91	Nam	TP Lạng Sơn - Lạng Sơn	1	1	4.50	5.25	3.5	13.50
54	LT12-065	Lữ Thụy Khuê	01/05/77	Nam	Đại Từ - Thái Nguyên	1	1	4.50	5.75	3.5	14.00
55	LT12-066	Bùi Thọ Kiên	12/08/91	Nam	P.Trung Thành-TP Thái Nguyên	0	2	5.00	5.50	0.5	11.00
56	LT12-068	Nguyễn Thị Lan	08/08/90	Nữ	Yên Dũng-Bắc Giang	0	1	5.50	6.50	1.5	13.50
57	LT12-069	Trần Thị Hương Lan	13/01/91	Nữ	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	3.75	7.50	1.5	13.00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	ĐT	Khu vực	Đ. Cơ sở	Đ.Ch.ngành	Đ.U.T	Tổng điểm
58	LT12-070	Vi Thị Ngọc Lan	09/10/91	Nữ	Phổ Yên - Thái Nguyên	1	1	5.00	7.75	3.5	16.50
59	LT12-072	Phùng Duy Liêm	24/01/90	Nam	P.Trung Thành-TP Thái Nguyên	0	1	4.50	6.50	1.5	12.50
60	LT12-073	Dương Thu Liên	05/03/92	Nữ	P.Phùng Chí Kiên-Bắc Kạn	0	1	5.00	5.50	1.5	12.00
61	LT12-074	Nghiêm Thị Liễu	10/08/89	Nữ	Phù Cừ-Hung Yên	0	KV2-NT	6.25	6.25	1	13.50
62	LT12-075	Lộc Thùy Linh	09/11/91	Nữ	P.Tân Lập-TP Thái Nguyên	1	2	3.75	3.75	2.5	10.00
63	LT12-076	Long Thị Linh	06/01/91	Nữ	Quyết Thắng - Thái Nguyên	1	2	4.00	6.00	2.5	12.50
64	LT12-077	Nguyễn Hoài Linh	27/07/91	Nữ	P.Quan Triều-TP Thái Nguyên	0	2	5.00	6.50	0.5	12.00
65	LT12-078	Phạm Thị Hoàng Linh	13/08/91	Nữ	Thanh Trì-Hà Nội	0	2	4.25	7.50	0.5	12.50
66	LT12-079	Trần Thị Mai Linh	25/04/91	Nữ	P.Gia Sàng-TP Thái Nguyên	0	2	4.00	6.75	0.5	11.50
67	LT12-080	Hồ Ngọc Loan	29/08/89	Nữ	Phú Lương - Thái Nguyên	0	1	4.00	7.50	1.5	13.00
68	LT12-081	Đào Văn Long	24/02/91	Nam	P.Thịnh Đán-TP Thái Nguyên	0	KV2-NT	4.50	7.00	1	12.50
69	LT12-083	Tạ Ngọc Long	29/07/90	Nam	Sông Công-Thái Nguyên	1	1	4.50	5.00	3.5	13.00
70	LT12-084	Đoàn Thị Hương Ly	25/12/90	Nữ	Hiệp Hòa-Bắc Giang	0	1	5.25	5.50	1.5	12.50
71	LT12-085	Lường Văn Mai	17/10/87	Nam	Định Hóa-Thái Nguyên	1	1	2.75	5.50	3.5	12.00
72	LT12-086	Nguyễn Đức Mùi	05/06/91	Nam	Hiệp Hòa - Bắc Giang	0	KV2-NT	4.25	6.00	1	11.50
73	LT12-088	Đinh Công Nam	28/04/90	Nam	Võ Nai - Thái Nguyên	1	1	4.25	6.00	3.5	14.00
74	LT12-089	Nguyễn Thị Nga	28/08/91	Nữ	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	4.00	7.00	1.5	12.50
75	LT12-090	Mai Thị Hồng Ngân	22/12/91	Nữ	Lục Yên - Yên Bái	0	1	4.25	7.00	1.5	13.00
76	LT12-092	Trần Thị Thiệu Ngân	01/09/84	Nữ	Phú Lương - Thái nguyên	0	1	5.50	6.50	1.5	13.50
77	LT12-093	Vũ Thị Kim Ngân	18/03/91	Nữ	Tiên Lữ-Hung Yên	0	KV2-NT	5.50	8.00	1	14.50
78	LT12-095	Trần Thị Ngọc	03/06/89	Nữ	Thái Thụy-Thái Bình	0	KV2-NT	6.75	8.25	1	16.00
79	LT12-096	Nguyễn Đức Nguy	14/04/90	Nam	Sôn Công-Thái Nguyên	0	2	4.00	7.25	0.5	12.00
80	LT12-097	Phạm Thị Nhài	03/07/78	Nữ	Vụ Bản-Nam Định	0	2	4.50	6.25	0.5	11.50
81	LT12-098	Bùi Thị Thúy Như	19/11/85	Nữ	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	6.25	8.50	1.5	16.50
82	LT12-099	Hoàng Thị Nhung	27/04/91	Nữ	Đồng Hỷ-Thái Nguyên	0	1	5.25	7.00	1.5	14.00
83	LT12-101	Nguyễn Thị Nhung	22/02/91	Nữ	Phú Bình - Thái Nguyên	0	KV2-NT	5.25	8.50	1	15.00
84	LT12-103	Nguyễn T. Hồng Nhung	20/11/91	Nữ	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	5.25	8.75	1.5	15.50
85	LT12-105	Phan Hồng Nhung	10/04/91	Nữ	Phú Lương - Thái Nguyên	1	1	5.75	9.00	3.5	18.50
86	LT12-106	Vũ Thị Hồng Nhung	15/10/91	Nữ	Lạng Giang - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.00	8.75	1	15.00
87	LT12-109	Nguyễn Trọng Ninh	11/09/91	Nam	Ngân Sơn-Bắc Kạn	1	1	4.25	4.25	3.5	12.00
88	LT12-110	Lê Hoàng Phú	19/12/91	Nam	Phú Bình - Thái Nguyên	0	1	6.00	8.75	1.5	16.50

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	ĐT	Khu vực	Đ. Cơ sở	Đ.Ch.ngành	Đ.U.T	Tổng điểm
89	LT12-112	Nguyễn Minh Phương	30/07/87	Nam	P.Đức Xuân-TX Bắc Kạn	1	1	5.50	7.75	3.5	17.00
90	LT12-114	Thái Hồng Phương	05/10/91	Nam	P.Quan Triều-TP Thái Nguyên	0	2	5.25	9.00	0.5	15.00
91	LT12-115	Nguyễn Hoàng Sơn	03/09/90	Nam	Phổ Yên, Thái Nguyên	0	1	5.75	6.50	1.5	14.00
92	LT12-118	Lê Thị Tám	29/07/90	Nữ	Phủ Bình - Thái Nguyên	0	1	6.00	7.00	1.5	14.50
93	LT12-119	Triệu Thị Tắm	20/07/91	Nữ	Chợ Đồn-Bắc Kạn	1	1	5.75	8.00	3.5	17.50
94	LT12-120	Dương Minh Tân	17/02/91	Nam	Phường Thịnh Đán TPTN	0	2	5.00	8.25	0.5	14.00
95	LT12-121	Nguyễn Ngọc Tân	01/04/91	Nam	P.Trung Vương-TP Thái Nguyên	0	2	6.00	7.75	0.5	14.50
96	LT12-122	Bùi Thị Thắm	11/02/91	Nữ	Hà Trung-Thanh Hóa	0	1	6.25	6.50	1.5	14.50
97	LT12-123	Nguyễn Thị Thắm	13/02/90	Nữ	Hiệp Hòa - Bắc Giang	0	KV2-NT	6.25	7.75	1	15.00
98	LT12-124	Nguyễn Ngọc Thắng	23/04/91	Nam	Hương Sơn TP Thái Nguyên	0	2	6.50	9.00	0.5	16.00
99	LT12-125	Nguyễn Văn Thành	19/07/91	Nam	P.Quang Trung-Thái Nguyên	0	2	7.00	8.25	0.5	16.00
100	LT12-127	Hoàng Thị Thảo	15/05/90	Nữ	Na Ri-Bắc Kạn	1	1	6.50	9.00	3.5	19.00
101	LT12-129	Lê Thị Thảo	20/04/90	Nữ	Hoàng Hóa-Thanh Hóa	0	KV2-NT	6.50	9.75	1	17.50
102	LT12-130	Ngô Văn Thảo	27/09/91	Nam	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	6.50	9.75	1	17.50
103	LT12-131	Nguyễn Phương Thảo	26/07/86	Nữ	Đại Từ-Thái Nguyên	0	1	8.00	3.75	1.5	13.50
104	LT12-132	Nguyễn T. Phương Thảo	27/04/91	Nữ	P.Phan Đình Phùng-TP Thái Nguyên	0	2	7.75	8.00	0.5	16.50
105	LT12-133	Nguyễn T. Phương Thảo	28/05/91	Nữ	Võ Nhai-Thái Nguyên	0	1	6.00	8.00	1.5	15.50
106	LT12-134	Nguyễn Thị Thanh Thảo	09/06/90	Nữ	P. Hưng Thành-TP Tuyên Quang	0	1	5.00	8.50	1.5	15.00
107	LT12-135	Phạm Duy Thảo	08/10/90	Nam	P.Túc Duyên-TP Thái Nguyên	0	2	5.50	6.25	0.5	12.50
108	LT12-136	Trần Thị Hà Thảo	18/05/91	Nữ	Định Hóa-Thái Nguyên	1	1	6.50	9.00	3.5	19.00
109	LT12-137	Bùi Thị Thu	07/01/91	Nữ	Xuân Trường-Nam Định	0	KV2-NT	6.00	7.50	1	14.50
110	LT12-138	Đỗ Văn Thu	01/10/90	Nam	Bắc Sơn - Lạng Sơn	1	1	4.50	7.25	3.5	15.50
111	LT12-139	Hoàng Thị Thương	29/12/90	Nữ	Định Lập-Lạng Sơn	1	1	6.50	7.50	3.5	17.50
112	LT12-140	Nguyễn Thị Thủy	05/03/91	Nữ	Ninh Giang - Hải Dương	0	KV2-NT	3.75	8.00	1	13.00
113	LT12-141	Nguyễn Vũ Phương Thủy	14/12/91	Nữ	Phổ Yên - Thái Nguyên	0	1	4.50	8.00	1.5	14.00
114	LT12-142	Nông Thị Ngọc Thúy	06/07/90	Nữ	Định Hóa - Thái Nguyên	1	1	4.25	8.00	3.5	16.00
115	LT12-143	Nguyễn Đăng Tiến	05/07/91	Nam	Phủ Lương - Thái Nguyên	0	1	4.50	7.25	1.5	13.50
116	LT12-144	Lương Văn Tiệp	01/08/89	Nam	Võ Nhai - Thái Nguyên	1	1	4.75	7.50	3.5	16.00
117	LT12-145	Hoàng Văn Tời	09/04/91	Nam	Lục Yên - Yên Bái	1	1	5.00	6.75	3.5	15.50
118	LT12-146	Lê Thị Trang	03/11/91	Nữ	Vĩnh Lộc-Thanh Hóa	0	1	6.50	8.50	1.5	16.50
119	LT12-147	Nông Thúy Trang	31/07/91	Nữ	Lục Yên - Yên Bái	1	1	5.00	8.00	3.5	16.50

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Quê quán	ĐT	Khu vực	Đ. Cơ sở	Đ.Ch.ngành	Đ.U'T	Tổng điểm
120	LT12-148	Phạm Thị Trang	16/05/90	Nữ	Sông Công- Thái Nguyên	0	1	5.00	6.25	1.5	13.00
121	LT12-149	Trần Thị Thu Trang	29/06/91	Nữ	Trung Thành-TP Thái Nguyên	0	2	6.00	8.50	0.5	15.00
122	LT12-150	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	25/05/91	Nữ	Sông Hiến-Cao Bằng	1	1	5.50	5.25	3.5	14.50
123	LT12-151	Dương Quốc Trọng	19/10/91	Nam	Sông Công - Thái Nguyên	0	1	5.00	6.50	1.5	13.00
124	LT12-152	Hoàng Minh Trọng	14/12/91	Nam	Võ Nhai- Thái Nguyên	1	1	6.00	7.25	3.5	17.00
125	LT12-153	Nguyễn Bảo Trung	21/12/91	Nam	Phú Lương - Thái Nguyên	0	1	5.75	7.75	1.5	15.00
126	LT12-154	Lê Xuân Trường	27/04/90	Nam	Phổ Yên-Thái Nguyên	0	1	7.50	9.50	1.5	18.50
127	LT12-155	Hoàng Minh Tú	27/08/89	Nam	Phường Phú Xá - TP Thái Nguyên	1	2	6.00	9.50	2.5	18.00
128	LT12-157	Vũ Văn Tuấn	02/10/89	Nam	P.Quan Triều-TP Thái Nguyên	0	2	5.75	9.50	0.5	16.00
129	LT12-159	Dương Thị Thanh Tuyền	05/03/89	Nữ	Tân Yên-Bắc Giang	0	KV2-NT	5.25	8.50	1	15.00
130	LT12-160	Nguyễn Hoàng Tuyền	10/07/89	Nam	P.Tân Thịnh-TP Thái Nguyên	0	2	4.50	8.25	0.5	13.50
131	LT12-161	Lê Thị Tuyết	11/06/89	Nữ	Hiệp Hòa - Bắc Giang	0	KV2-NT	5.50	9.50	1	16.00
132	LT12-162	Lương Thị Ty	01/03/91	Nữ	Chiêm Hóa - Tuyên Quang	0	1	4.75	9.50	1.5	16.00
133	LT12-163	Đặng Thị Ái Vân	04/01/91	Nữ	Lý Nhân-Hà Nam	0	2	5.50	9.50	0.5	15.50
134	LT12-164	Bùi Thị Thanh Xuân	16/03/91	Nữ	Sông Công-Thái Nguyên	0	1	4.75	8.75	1.5	15.00
135	LT12-165	La Thị Hải Yến	04/10/87	Nữ	Đại Từ - Thái Nguyên	1	1	6.00	6.50	3.5	16.00
136	LT12-166	Trịnh Thị Hải Yến	27/08/91	Nữ	Thị xã Bắc Kan	0	1	5.50	7.50	1.5	14.50